

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phương án đơn giản hóa về cắt giảm 50% thời gian giải quyết
thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Huế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2026 của UBND thành phố về rà soát cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Văn bản số 2609/BC-SGDĐT ngày 20 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục 170 phương án đơn giản hoá thời gian giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Huế (*Tổng thời gian được cắt giảm: 1448/2858 đạt 50%*). Cụ thể:

- Phụ lục I. Danh mục 108/116 phương án đơn giản hoá thời gian giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Phụ lục II. Danh mục 43/54 phương án đơn giản hoá thời gian giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết TTHC của các xã, phường;

- Phụ lục III. Danh mục 19 phương án giữ nguyên thời gian giải quyết thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo (08/116 TTHC) và UBND các xã, phường (11/54 TTHC).

Điều 2. Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ vào Quyết định này, trình Chủ tịch UBND thành phố Quyết định ban hành Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung về đơn giản hoá thời gian giải quyết và phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo. Hoàn thành trước 08/6/2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- TT PVHCC; Công TTĐT;
- Lưu: VT, KSNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Mạnh

Phụ lục I
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HOÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ CẮT GIẢM 50% THỜI GIAN GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(THỜI ĐIỂM CHỐT SỐ LIỆU NGÀY 20/5/2026)

(Kèm theo Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Đơn vị tính	Tổng thời gian thực hiện cắt giảm
1.	3.000466	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp tỉnh)	3	Ngày làm việc	1.5
2.	3.000315	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	20	Ngày làm việc	14
3.	1.012988	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	20	Ngày làm việc	10
4.	2.000729	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	20	Ngày làm việc	10
5.	2.002593	Đề nghị đánh giá, công nhận Đơn vị học tập cấp tỉnh	30	Ngày làm việc	15
6.	1.012959	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	30	Ngày làm việc	15
7.	1.012958	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	25	Ngày làm việc	12.5
8.	3.000306	Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	30	Ngày làm việc	15
9.	3.000302	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục	25	Ngày làm việc	12.5

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Đơn vị tính	Tổng thời gian thực hiện cắt giảm
10.	3.000299	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	35	Ngày làm việc	17.5
11.	3.000298	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại	7	Ngày làm việc	3.5
12.	3.000297	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục	25	Ngày làm việc	12.5
13.	3.000303	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại	7	Ngày làm việc	3.5
14.	3.000301	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật	25	Ngày làm việc	12.5
15.	1.005008	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	25	Ngày làm việc	12.5
16.	2.000632	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực	20	Ngày làm việc	10
17.	1.000509	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	16	Ngày làm việc	8
18.	1.000482	Chuyển đổi trường trung học nghề tư thực, trường trung cấp tư thực, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực sang trường học nghề tư thực, trường trung cấp tư thực, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	20	Ngày làm việc	10
19.	1.000167	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	10	Ngày làm việc	5
20.	1.013755	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	20	Ngày làm việc	10
21.	1.013757	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa	25	Ngày làm việc	12.5

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Đơn vị tính	Tổng thời gian thực hiện cắt giảm
		nhập tư thực			
22.	1.013751	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	25	Ngày làm việc	12.5
23.	1.013754	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	25	Ngày làm việc	12.5
24.	1.013753	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	25	Ngày làm việc	12.5
25.	1.012953	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	22	Ngày làm việc	11
26.	1.012956	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	20	Ngày làm việc	10
27.	1.012955	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	25	Ngày làm việc	12.5
28.	1.012944	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	25	Ngày làm việc	12.5
29.	2.002811	Phê duyệt Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	12	Ngày làm việc	6
30.	2.002813	Chấm dứt hoạt động của Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	3	Ngày làm việc	1.5
31.	2.002812	Gia hạn hoặc điều chỉnh Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	5	Ngày làm việc	2.5
32.	1.001497	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	10	Ngày làm việc	5
33.	1.001492	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước	10	Ngày làm việc	5

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Đơn vị tính	Tổng thời gian thực hiện cắt giảm
		ngoài tại Việt Nam			
34.	2.000545	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	30	Ngày làm việc	15
35.	2.002850	Cấp lại văn bằng, chứng chỉ	3	Ngày làm việc	1.5
36.	3.000317	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	20	Ngày làm việc	10
37.	1.000691	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	75	Ngày làm việc	40
38.	1.000288	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	75	Ngày làm việc	40
39.	1.000280	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	75	Ngày làm việc	40
40.	1.000715	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	75	Ngày làm việc	40
41.	1.000713	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	75	Ngày làm việc	40
42.	1.000711	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	75	Ngày làm việc	40
43.	1.000259	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	40	Ngày làm việc	20
44.	1.000729	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	30	Ngày làm việc	15
45.	1.004999	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên	25	Ngày làm việc	12.5
46.	1.013767	Giải thể, chấm dứt cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập	20	Ngày làm việc	10
47.	1.001499	Phê duyệt liên kết giáo dục	40	Ngày làm việc	20

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Đơn vị tính	Tổng thời gian thực hiện cắt giảm
48.	1.013338	Xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông	07	Ngày làm việc	3.5
49.	1.001496	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	15	Ngày làm việc	7.5
50.	3.000305	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	20	Ngày làm việc	10
51.	3.000300	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	20	Ngày làm việc	10
52.	1.004991	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	20	Ngày làm việc	10
53.	1.010593	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục	15	Ngày làm việc	7.5
54.	1.010594	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị	15	Ngày làm việc	7.5
55.	3.000304	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật	35	Ngày làm việc	17.5
56.	1.013763	Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	3	Ngày làm việc	1.5
57.	1.013758	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	25	Ngày làm việc	12.5
58.	1.013761	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15	Ngày làm việc	7.5
59.	1.013760	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	10	Ngày làm việc	5
60.	1.010928	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh	10	Ngày làm việc	5

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Đơn vị tính	Tổng thời gian thực hiện cắt giảm
		ngành			
61.	1.010927	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn	7	Ngày làm việc	3.5
62.	2.001959	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	3	Ngày làm việc	1.5
63.	1.013752	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục hoạt động trở lại	7	Ngày làm việc	3.5
64.	1.008723	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động không vì lợi nhuận	13	Ngày làm việc	6.5
65.	1.008721	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	13	Ngày làm việc	6.5
66.	1.009002	Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên	15	Ngày làm việc	7.5

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Đơn vị tính	Tổng thời gian thực hiện cắt giảm
67.	1.014333	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học công lập	10	Ngày làm việc	5
68.	1.014334	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong trường trung học phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục, trường trung học phổ thông trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	10	Ngày làm việc	5
69.	1.002982	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	10	Ngày làm việc	5
70.	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	15	Ngày làm việc	7.5
71.	2.002851	Xét, cấp học bổng chính sách đối với sinh viên học theo chế độ cử tuyển	10	Ngày làm việc	5
72.	1.005095	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	15	Ngày làm việc	7.5
73.	1.009394	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	35	Ngày làm việc	17.5
74.	1.005098	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	30	Ngày làm việc	15
75.	1.004889	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	20	Ngày làm việc	10
76.	1.008720	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	13	Ngày làm việc	6.5
77.	1.004988	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở	3	Ngày làm việc	1.5

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Đơn vị tính	Tổng thời gian thực hiện cắt giảm
		lại			
78.	1.013759	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường trung cấp tư thục	16	Ngày làm việc	8
79.	2.002854	Chuyển trường và tiếp nhận học sinh	8	Ngày làm việc	4
80.	2.002857	Tiếp nhận học sinh xin học lại	5	Ngày làm việc	2.5
81.	2.002855	Tiếp nhận học sinh Việt Nam từ nước ngoài về nước	8	Ngày làm việc	4
82.	2.002856	Tiếp nhận học sinh người nước ngoài	8	Ngày làm việc	4
83.	3.000316	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	7	Ngày làm việc	3.5
84.	2.000130	Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	20	Ngày làm việc	10
85.	1.000389	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	10	Ngày làm việc	5
86.	2.000680	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	30	Ngày làm việc	15
87.	1.001501	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện	30	Ngày làm việc	15
88.	1.000716	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	30	Ngày làm việc	15
89.	1.006446	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	20	Ngày làm việc	10

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Đơn vị tính	Tổng thời gian thực hiện cắt giảm
90.	1.000553	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	15	Ngày làm việc	7.5
91.	1.013762	Cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15	Ngày làm việc	7.5
92.	1.013756	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục hoạt động trở lại	7	Ngày làm việc	3.5
93.	1.001495	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	20	Ngày làm việc	10
94.	1.001493	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	30	Ngày làm việc	15
95.	2.000189	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	10	Ngày làm việc	5
96.	1.005061	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	15	Ngày làm việc	7.5
97.	1.012960	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	15	Ngày làm việc	7.5
98.	2.001987	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	15	Ngày làm việc	7.5
99.	1.000718	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	20	Ngày làm việc	10
100.	1.012954	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có	6	Ngày làm việc	3

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Đơn vị tính	Tổng thời gian thực hiện cắt giảm
		hiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại			
101.	1.000159	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	35	Ngày làm việc	17.5
102.	2.000451	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	30	Ngày làm việc	15
103.	1.000939	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	30	Ngày làm việc	15
104.	1.000530	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	3	Ngày làm việc	1.5
105.	1.000138	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	10	Ngày làm việc	5
106.	1.000154	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	7	Ngày làm việc	3.5
107.	1.013764	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;	26	Ngày làm việc	13
108.	1.013765	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	26	Ngày làm việc	13
Tổng số: 108/116 TTHC cấp tỉnh			2269		1153.5 (đạt 50.3%)

Phụ lục II
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HOÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ CẮT GIẢM 50% THỜI GIAN GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG
(THỜI ĐIỂM CHỐT SỐ LIỆU NGÀY 20/5/2026)

(Kèm theo Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Đơn vị tính	Tổng thời gian thực hiện cắt giảm
1.	1.012975	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	10	Ngày làm việc	5
2.	1.012973	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	20	Ngày làm việc	10
3.	1.012971	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	15	Ngày làm việc	7.5
4.	1.012974	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	10	Ngày làm việc	5
5.	3.000309	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	30	Ngày làm việc	15
6.	1.012962	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	10	Ngày làm việc	5
7.	1.012961	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	20	Ngày làm việc	10
8.	1.006445	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	20	Ngày làm việc	10
9.	1.006444	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	7	Ngày làm việc	3.5

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Đơn vị tính	Tổng thời gian thực hiện cắt giảm
10.	1.006390	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	14	Ngày làm việc	7
11.	1.014996	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài đề nghị thành lập sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	13	Ngày làm việc	6.5
12.	2.002284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	3	Ngày làm việc	1.5
13.	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	3	Ngày làm việc	1.5
14.	1.012969	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	15	Ngày làm việc	7.5
15.	3.000308	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	10	Ngày làm việc	5
16.	3.000307	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	20	Ngày làm việc	10
17.	1.012963	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	20	Ngày làm việc	10
18.	1.004563	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	20	Ngày làm việc	10
19.	2.001842	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	14	Ngày làm việc	7
20.	1.001639	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	20	Ngày làm việc	10
21.	1.012964	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là	25	Ngày làm việc	12.5

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Đơn vị tính	Tổng thời gian thực hiện cắt giảm
		trung học cơ sở			
22.	1.012968	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	20	Ngày làm việc	10
23.	1.012967	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	25	Ngày làm việc	12.5
24.	1.012965	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	15	Ngày làm việc	7.5
25.	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động không vì lợi nhuận	13	Ngày làm việc	6.5
26.	2.002770	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	7	Ngày làm việc	3.5
27.	2.002771	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	5	Ngày làm việc	2.5
28.	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	17	Ngày làm việc	8.5
29.	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	24	Ngày làm việc	12
30.	1.014997	Xét, cấp học bổng chính sách đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục dành cho thương binh, người	10	Ngày làm việc	5

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Đơn vị tính	Tổng thời gian thực hiện cắt giảm
		khuyết tật			
31.	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	15	Ngày làm việc	7.5
32.	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	24	Ngày làm việc	12
33.	1.014335	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	15	Ngày làm việc	7.5
34.	1.014336	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	10	Ngày làm việc	5
35.	1.014337	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học, trường trung học cơ sở, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	10	Ngày làm việc	5
36.	2.002854	Chuyển trường và tiếp nhận học sinh	8	Ngày làm việc	4
37.	2.002857	Tiếp nhận học sinh xin học lại	8	Ngày làm việc	4
38.	2.002855	Tiếp nhận học sinh Việt Nam từ nước ngoài về nước	8	Ngày làm việc	4
39.	2.002856	Tiếp nhận học sinh người nước ngoài	8	Ngày làm việc	4
40.	1.012972	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	7	Ngày làm việc	3.5
41.	1.012970	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	7	Ngày làm việc	3.5
42.	1.004552	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	7	Ngày làm việc	3.5

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Đơn vị tính	Tổng thời gian thực hiện cắt giảm
43.	1.012966	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	7	Ngày làm việc	3.5
Tổng số: 43/54 TTHC			589		294.5 (đạt 50%)

Phụ lục III
PHƯƠNG ÁN GIỮ NGUYÊN THỜI GIAN THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VÀ UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG
(THỜI ĐIỂM CHỐT SỐ LIỆU NGÀY 20/5/2026)

(Kèm theo Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Đơn vị tính	Lý do không thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC
I. CẤP TỈNH: 08/116 TTHC					
1.	1.014957	Tuyển sinh vào trường phổ thông nội trú	Không quy định		Không quy định
2.	3.000465	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp tỉnh)	1	Ngày làm việc	Thời gian giải quyết quy định ngay trong ngày
3.	2.001806	Xét tuyển học sinh vào trường dự bị đại học	Theo đợt tuyển sinh		Không quy định
4.	1.001942	Đăng ký xét tuyển trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non	Theo Kế hoạch tuyển sinh hằng năm		Không quy định
5.	1.003734	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	Không quy định		Không quy định
6.	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Tùy theo đợt		Không quy định
7.	1.005142	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Theo hướng dẫn tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo		Không quy định
8.	3.000181	Tuyển sinh trung học phổ thông	Theo Kế hoạch và Thông báo tuyển sinh hằng năm		Không quy định
II. CẤP XÃ: 11/54					
9.	1.005108	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Không quy định		Không quy định
10.	2.001904	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Không quy định		Không quy định

11.	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Không quy định		Không quy định
12.	3.000182	Tuyển sinh trung học cơ sở	Theo Kế hoạch và Thông báo tuyển sinh hằng năm		Không quy định
13.	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Tùy theo đợt		Không quy định
14.	1.000715	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Không quy định		Không quy định
15.	1.000713	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Không quy định		Không quy định
16.	1.000711	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Không quy định		Không quy định
17.	1.000691	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	Không quy định		Không quy định
18.	1.000288	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Không quy định		Không quy định
19.	1.000280	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Không quy định		Không quy định